



TẶNG NHƠN PHÚ B

BẢNG VÀNG DANH DỰ NĂM HỌC 2024 - 2025

I. HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- 1. Nguyễn Minh Thy_9/3_Công nghệ (Giải Nhì)
- 2. Lê Nguyễn Tuệ Nhi_9/3_Công nghệ (Giải Ba)
- 3. Trần Vạn Tuấn Anh_9/6_Công nghệ (Giải Ba)
- 4. Thân Quốc Thái_9A2_KHTN (Giải Ba)
- 5. Nguyễn Công Thành Luân_9A2_KHTN (Giải Ba)
- 6. Nguyễn Minh Thái Uy_9/3_KHTN (Giải Nhì)
- 7. Bùi Phát Thịnh_9/3_KHTN (Giải Ba)
- 8. Giáp Thủy Dung_9/3_KHTN (Giải Ba)
- 9. Nguyễn Ngọc Việt Nam_9A2_KHTN (Giải Ba)
- 10. Trần Thu Hà_9/3_Ngữ văn 9 (Giải Ba)
- 11. Ngô Hà Anh Thư_8/3_KHKT (Giải Ba)
- 12. Cao Xuân Thiện_8/3_KHKT (Giải Ba)

II. HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MÔN
1	Trần Thu Hà	9/3	KHTN 9_ĐT
2	Thân Quốc Thái	9A2	KHTN 9_ĐT
3	Nguyễn Công Thành Luân	9A2	KHTN 9_ĐT
4	Đình Hoàng Phúc	9/3	KHTN 9_ĐT
5	Nguyễn Minh Thái Uy	9/3	KHTN 9_ĐT
6	Giáp Thủy Dung	9/3	KHTN 9_ĐT
7	Nguyễn Cao Quỳnh Anh	9/3	KHTN 9_ĐT
8	Bùi Phát Thịnh	9/3	KHTN 9_ĐT
9	Nguyễn Ngọc Việt Nam	9A2	LS và DL 9_ĐT
10	Nguyễn Lê Đan Thy	9A1	Tin học 9_ĐT
11	Bùi Nguyễn Đồng Quân	9A2	Tin học 9_ĐT
12	Lê Minh Hưng	9A2	Công nghệ 9_ĐT
13	Lê Nguyễn Tuệ Nhi	9/3	Công nghệ 9_ĐT
14	Nguyễn Minh Thy	9/3	Công nghệ 9_ĐT
15	Trần Thu Hiền	9/4	Công nghệ 9_ĐT
16	Nghiêm Xuân Trường Giang	9/7	Công nghệ 9_ĐT
17	Trần Ngọc Bảo Hân	9/7	Công nghệ 9_ĐT
18	Trần Vạn Tuấn Anh	9/6	Công nghệ 9_ĐT
19	Mai Ngọc Phương Anh	9/7	Công nghệ 9_ĐT
20	Nguyễn Thiên Kim	9/7	KHTN 9_ĐT
21	Trần Thanh Nga	9/7	Công nghệ 9_ĐT
22	Bùi Nguyễn Tường Vy	9/7	Công nghệ 9_ĐT
23	Nguyễn Ngọc Anh	9/3	Ngữ văn 9_CN HSG
24	Dương Nguyễn Song Phụng	9/3	Ngữ văn 9_CN HSG
25	Trần Thanh Tuyền	9/3	Ngữ văn 9_CN HSG
26	Văng Ngọc Thủy Tiên	9A2	Ngữ văn 9_CN HSG
27	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	9A2	Ngữ văn 9_CN HSG
28	Huỳnh Nhã Kỳ	9/3	Ngữ văn 9_CN HSG
29	Trương Tấn Thiên Phúc	9A2	Toán 9_CN HSG
30	Nguyễn Hải Lâm	9A2	Toán 9_CN HSG
31	Hoàng Thái Dương	9A1	Toán 9_CN HSG
32	Đặng Thông Tấn	9A1	Toán 9_CN HSG
33	Trần Đức Trung	9A1	Tiếng Anh 9_CN HSG
34	Nguyễn Hải Yến	9A1	Tiếng Anh 9_CN HSG
35	Lê Trần Sỹ Long	9A1	Tiếng Anh 9_CN HSG
36	Nguyễn Duy Anh	9/3	Tiếng Anh 9_CN HSG
37	Nguyễn Thủy Dương	9A2	Tiếng Anh 9_CN HSG
38	Phạm Nguyễn Gia Thịnh	9A1	KHTN 9_CN HSG
39	Dương Nguyễn Anh Thơ	9/3	KHTN 9_CN HSG
40	Đỗ Ngọc Thảo Nguyên	9/3	KHTN 9_CN HSG
41	Diệp Phúc Đăng Khôi	9A1	KHTN 9_CN HSG
42	Hà Minh Thành	9A1	KHTN 9_CN HSG
43	Nguyễn Hoàng Phúc	9A1	KHTN 9_CN HSG
44	Hoàng Tiến Nam	9/3	KHTN 9_CN HSG
45	Nguyễn Minh Tài	9A1	LS và DL 9_CN HSG
46	Trần Gia Bình	9/3	LS và DL 9_CN HSG
47	Nguyễn Thanh Bình	9A1	LS và DL 9_CN HSG
48	Nguyễn Châu Uyên My	9A1	LS và DL 9_CN HSG
49	Đào Duy Khang	9A1	Tin học 9_CN HSG
50	Nguyễn Huệ Như	9/3	Tin học 9_CN HSG
51	Nguyễn Bình Thảo Vy	9A1	LS và DL 9_CN HSG
52	Bùi Ngọc Châu Anh	9/3	LS và DL 9_CN HSG
53	Ngô Đình Bảo Văn	9A2	LS và DL 9_CN HSG
54	Lê Minh Trang	9A2	LS và DL 9_CN HSG
55	Võ Hoài Mỹ Phương	9/3	Công nghệ 9_CN HSG
56	Nguyễn Thị Thanh Hà	9/3	Công nghệ 9_CN HSG
57	Nguyễn Hồng Nhi	9/3	Công nghệ 9_CN HSG
58	Hoàng Ngọc Bích	7A1	Ngữ văn 7_Nhất
59	Trần Duy Minh Tiên	7A3	Tiếng Anh 7_Nhất

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MÔN
60	Đặng Ngọc Phương Nghi	8/3	Toán 8_Nhất
61	Đỗ Đăng Khoa	8/3	LS và DL 8_Nhì
62	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	6A2	Ngữ văn 6_Nhì
63	Nguyễn Thuần An	7A1	Ngữ văn 7_Nhì
64	Nguyễn Phạm Bảo Quyên	6A3	Toán 6_Nhì
65	Phạm Quỳnh Thư	6/4	Toán 6_Nhì
66	Nguyễn Hoàng Quý	7A2	Toán 7_Nhì
67	Đào Trí Bình	8A2	Toán 8_Nhì
68	Lê Trường Giang	8/3	Toán 8_Nhì
69	Phan Huỳnh Bảo Yến	8A1	Vật sống 8_Nhì
70	Phan Đức Anh Thư	8/3	Vật sống 8_Nhì
71	Lê Nguyễn Hoàng Khang	8A1	Chất và SBDC 8_Ba
72	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	8A2	LS&DL (Địa lý 8)_Ba
73	Hoàng Minh Thư	8A1	LS&DL (Lịch sử 8)_Ba
74	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	6/6	Ngữ văn 6_Ba
75	Huỳnh Trần Nhã Uyên	6A3	Ngữ văn 6_Ba
76	Võ Phương Anh	7A3	Ngữ văn 7_Ba
77	Nguyễn Phú Hưng	6A1	Tiếng Anh 6_Ba
78	Lê Nguyễn Bảo Long	7A1	Tiếng Anh 7_Ba
79	Nguyễn Hải Nam	8A1	Tiếng Anh 8_Ba
80	Đình Ngọc Hân	8A2	Tiếng Anh 8_Ba
81	Nguyễn Phú Hưng	6A3	Toán 6_Ba
82	Lê Ngọc Bảo Châu	6/4	Toán 6_Ba
83	Trần Gia Vy	7A3	Toán 7_Ba
84	Võ Ngọc Duy Bảo	8/3	Toán 8_Ba
85	Nguyễn Ngọc Thủy Phương	8/3	Chất 8_CN HSG
86	Khuong Ngọc Minh Anh	8A2	Chất 8_CN HSG
87	Lê Đàm Nam Khánh	8A2	Chất 8_CN HSG
88	Nguyễn Ngọc Gia Tường	8A2	Chất 8_CN HSG
89	Nguyễn Hải Vy	8/3	Chất 8_CN HSG
90	Phan Lê Phương Thy	8A2	Chất 8_CN HSG
91	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	8/3	Chất 8_CN HSG
92	Mã Thanh Trúc	8/9	Chất 8_CN HSG
93	Trần Phạm Gia Hân	8A2	Chất 8_CN HSG
94	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	8A2	Chất 8_CN HSG
95	Lê Đặng Ngọc Bích	8/3	Chất 8_CN HSG
96	Nguyễn Việt Hoàng Hải	8A1	Chất 8_CN HSG
97	Ngô Văn Minh Tùng	8/8	LS và DL 8_CN HSG
98	Huỳnh Thanh Trúc	8/9	LS và DL 8_CN HSG
99	Đoàn Gia Huy	8/3	LS và DL 8_CN HSG
100	Trần Lê Ngọc Vy	8/9	LS và DL 8_CN HSG
101	Đình Đức Tú	8/8	LS và DL 8_CN HSG
102	Phan Ngọc Giàu	8/9	LS và DL 8_CN HSG
103	Đình Nguyễn Gia Bảo	8/4	LS và DL 8_CN HSG
104	Huỳnh Thanh Liêm	8/3	LS và DL 8_CN HSG
105	Nguyễn Hoàng Trúc Ly	8A1	LS và DL 8_CN HSG
106	Trần Minh Hoàng	8/3	LS và DL 8_CN HSG
107	Nguyễn Thanh Phong	8/3	LS và DL 8_CN HSG
108	Lý An Nhi	8/9	LS và DL 8_CN HSG
109	Rmah Lương Thiên Khang	8A1	NL 8_CN HSG
110	Vân Hoàng Nam Phong	8/3	NL 8_CN HSG
111	Nguyễn Bảo Ngọc	8/3	NL 8_CN HSG
112	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	8A1	NL 8_CN HSG
113	Nguyễn Nguyễn Khang	8/3	NL 8_CN HSG
114	Trần Trâm Anh	8A1	NL 8_CN HSG
115	Nguyễn Minh Anh	6A2	Ngữ văn 6_CN HSG
116	Lê Khả Như	6A1	Ngữ văn 6_CN HSG
117	Phạm Tuyết Trinh	6A1	Ngữ văn 6_CN HSG
118	Đặng Thiên Di	6A3	Ngữ văn 6_CN HSG

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MÔN
119	Lê Ngọc Khánh Vân	6A3	Ngữ văn 6_CN HSG
120	Trần Nguyễn Minh Khuê	6A3	Ngữ văn 6_CN HSG
121	Lê Duy Nhật	6/8	Ngữ văn 6_CN HSG
122	Nguyễn Phúc Nhật Mai	6/6	Ngữ văn 6_CN HSG
123	Phạm Hồng Bảo Quyên	6A2	Ngữ văn 6_CN HSG
124	Mai Phan Diệu Hiền	6/4	Ngữ văn 6_CN HSG
125	Dương Diễm Phương	6A2	Ngữ văn 6_CN HSG
126	Phạm Hoàng Yên Thanh	6/4	Ngữ văn 6_CN HSG
127	Lê Nguyễn Hoàng Châu	7A3	Ngữ văn 7_CN HSG
128	Phạm Thái Nguyên	7A2	Ngữ văn 7_CN HSG
129	Nguyễn Quốc An	7/5	Ngữ văn 7_CN HSG
130	Vũ Ngọc Bảo Hân	7/4	Ngữ văn 7_CN HSG
131	Nguyễn Ngọc Ý Phương	7A2	Ngữ văn 7_CN HSG
132	Trần Gia Hân	7A3	Ngữ văn 7_CN HSG
133	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	7/9	Ngữ văn 7_CN HSG
134	Lương Thị Mỹ Ý	7/4	Ngữ văn 7_CN HSG
135	Trần Phương Anh	7A2	Ngữ văn 7_CN HSG
136	Nguyễn Thanh Mai	7/4	Ngữ văn 7_CN HSG
137	Đỗ Phúc An	7A2	Ngữ văn 7_CN HSG
138	Huỳnh Nguyễn Ngọc Phương	7A1	Ngữ văn 7_CN HSG
139	Phạm Ngọc Quỳnh Hoa	7A3	Ngữ văn 7_CN HSG
140	Trần Trọng Minh Quân	7/4	Ngữ văn 7_CN HSG
141	Dương Thanh Trúc	7A1	Ngữ văn 7_CN HSG
142	Nguyễn Thiên Duyên	8/4	Ngữ văn 8_CN HSG
143	Vũ Bùi Thu Trang	8/3	Ngữ văn 8_CN HSG
144	Huỳnh Ngọc Quỳnh Như	8A1	Ngữ văn 8_CN HSG
145	Đình Lê Quỳnh Gia	8/3	Ngữ văn 8_CN HSG
146	Nguyễn Hà Anh	8A2	Ngữ văn 8_CN HSG
147	Đỗ Duy Lâm	6A1	Tiếng Anh 6_CN HSG
148	Hoàng Nhật Nam	6A1	Tiếng Anh 6_CN HSG
149	Huỳnh Quang Tín	6A3	Tiếng Anh 6_CN HSG
150	Đỗ Khôi Nguyên	6A3	Tiếng Anh 6_CN HSG
151	Phan Đăng Tâm	6A1	Tiếng Anh 6_CN HSG
152	Nguyễn Trần Gia Phúc	6/4	Tiếng Anh 6_CN HSG
153	Trần Khánh Như	6A3	Tiếng Anh 6_CN HSG
154	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	6A2	Tiếng Anh 6_CN HSG
155	Lê Quỳnh Anh	6A3	Tiếng Anh 6_CN HSG
156	Cao Thị Minh Phương	6/4	Tiếng Anh 6_CN HSG
157	Nguyễn Thanh Trúc	6A1	Tiếng Anh 6_CN HSG
158	Nguyễn Phạm Hoài Đan	6/4	Tiếng Anh 6_CN HSG
159	Nguyễn Nhật Kim Ngân	6/4	Tiếng Anh 6_CN HSG
160	Trần Thị Ngọc Hân	6A2	Tiếng Anh 6_CN HSG
161	Đỗ Thị Kiều My	6A1	Tiếng Anh 6_CN HSG
162	Lê Trần Sỹ Hoàng	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
163	Nguyễn Trần Nhật Hào	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
164	Nguyễn Trung Kiên	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
165	Nguyễn Võ Thiên Phú	7/4	Tiếng Anh 7_CN HSG
166	Đình Nho Thuận	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG
167	Đông Phạm Nhất Trung	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
168	Phạm Nguyễn Phương Uyên	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG
169	Nguyễn Hữu Hoàng Nguyên	7A3	Tiếng Anh 7_CN HSG
170	Trần Ngọc Vân	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG
171	Nguyễn Ngọc Thanh	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
172	Kiều Tiến Thịnh	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
173	Bùi Song Thư	7/4	Tiếng Anh 7_CN HSG
174	Nguyễn Văn Tiến Đạt	7A3	Tiếng Anh 7_CN HSG
175	Trần Trọng Nghĩa	7A2	Tiếng Anh 7_CN HSG
176	Ngô Nguyễn Gia Huy	7/4	Tiếng Anh 7_CN HSG
177	Hoàng Ngọc Thảo Linh	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MÔN
178	Diệp Phan Tuệ Mẫn	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG
179	Võ Chi Hường	7A1	Tiếng Anh 7_CN HSG
180	Hồ Đức Lộc	7A3	Tiếng Anh 7_CN HSG
181	Lê Phúc Anh Thư	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
182	Nguyễn Ngọc Cát Tường	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
183	Cao Xuân Thiện	8/3	Tiếng Anh 8_CN HSG
184	Huỳnh Tấn Đạt	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
185	Hà Đỗ Khánh Linh	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
186	Vũ Trần Minh Nhật	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
187	Phan Xuân Nam	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
188	Lê Trương Phương Vy	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
189	Nguyễn Văn Nhật Huy	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
190	Trần Nhật Phương Lam	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
191	Nguyễn Trần Đăng Khoa	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
192	Nguyễn Quang Nam Khánh	8A1	Tiếng Anh 8_CN HSG
193	Nguyễn Hải Phong	8A2	Tiếng Anh 8_CN HSG
194	Đình Thành Phong	6A1	Toán 6_CN HSG
195	Nguyễn Thị Kim Oanh	6/4	Toán 6_CN HSG
196	Vũ Đình Khôi	6/4	Toán 6_CN HSG
197	Đình Thành Nghĩa	6/4	Toán 6_CN HSG
198	Nguyễn Tấn Dũng	6A1	Toán 6_CN HSG
199	Trần Thị Bảo Trang	6/4	Toán 6_CN HSG
200	Lê Quý Khải	6A2	Toán 6_CN HSG
201	Hoàng Minh Phúc	6A2	Toán 6_CN HSG
202	Trần Anh Khôi	6A1	Toán 6_CN HSG
203	Trần Nguyễn Thiên Ân	6A2	Toán 6_CN HSG
204	Đặng Thảo Trang	6/4	Toán 6_CN HSG
205	Ngô Võ Bảo Hân	6A2	Toán 6_CN HSG
206	Nguyễn Đăng Gia Khang	6A1	Toán 6_CN HSG
207	Phan Văn Quang	6A3	Toán 6_CN HSG
208	Phan Kim Ngân	6/4	Toán 6_CN HSG
209	Trần Dương Quốc Vũ	7A1	Toán 7_CN HSG
210	Nguyễn Anh Quân	7/4	Toán 7_CN HSG
211	Hồ Trần Hưng Long	7A2	Toán 7_CN HSG
212	Lưu Hà Linh	7/4	Toán 7_CN HSG
213	Phạm Tấn Minh	7A2	Toán 7_CN HSG
214	Nguyễn Thanh Ngọc	7/4	Toán 7_CN HSG
215	Hà Gia Lạc	7A3	Toán 7_CN HSG
216	Nguyễn Thanh Hữu	7/4	Toán 7_CN HSG
217	Lê Tiến Minh	7A2	Toán 7_CN HSG
218	Hoàng Minh Quân	7/4	Toán 7_CN HSG
219	Hồ Ngọc Bảo Thy	7A3	Toán 7_CN HSG
220	Dương Võ Cẩm Bình	8/3	Toán 8_CN HSG
221	Ngô Hà Anh Thư	8/3	Toán 8_CN HSG
222	Trương Nhật Thăng	8A2	Toán 8_CN HSG
223	Ngô Ngọc Phát	8/9	Toán 8_CN HSG
224	Nguyễn Hoàng Phương Anh	8/3	Vật sống 8_CN HSG
225	Nguyễn Ngọc Lan Chi	8/3	Vật sống 8_CN HSG
226	Ngô Khánh Như	8/7	Vật sống 8_CN HSG
227	Đào Huỳnh Ngọc Phúc	8/7	Vật sống 8_CN HSG
228	Trần Hoàng Tiến	8A1	Vật sống 8_CN HSG
229	Đào Ngọc Khánh Vy	8/7	Vật sống 8_CN HSG
230	Mai Thị Minh Tâm	8A1	Vật sống 8_CN HSG
231	Lê Lan Hương	8/3	Vật sống 8_CN HSG
232	Nguyễn Hồng Phúc	8A2	Vật sống 8_CN HSG
233	Trần Nguyễn Hà My	8A1	Vật sống 8_CN HSG
234	Thái Công Quốc Dũng	8/3	Vật sống 8_CN HSG
235	Phạm Thị Bảo Linh	8/7	Vật sống 8_CN HSG

III. HỌC SINH XUẤT SẮC NHẤT KHỐI

- 1. Đoàn Thị Vân Anh_Lớp 6A2_HSXS Nhất Khối 6_DTB: 9.80
- 2. Trần Nguyễn Thiên Ân_Lớp 6A2_HSXS Nhất Khối 6_DTB: 9.80
- 3. Hoàng Ngọc Thảo Linh_Lớp 7A1_HSXS Nhất Khối 7_DTB: 9.90
- 4. Nguyễn Ngọc Cát Tường_Lớp 8A1_HSXS Nhất Khối 8_DTB: 9.90
- 3. Đặng Thông Tấn_Lớp 9A1_HSXS Nhất Khối 9_DTB: 9.80